| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ C**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 262/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 11 – 2019
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Hân

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

2. Bà Trần Kim Nguyện

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 12, 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 841/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 869/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kiều D, sinh năm: 1993. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp TD, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường T, sinh năm: 1990. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường TT, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Nguyễn Kiều D trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ ngày 12/6/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/7/2018. Thời gian chung sống, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T thường có hành vi bạo lực gia đình, đánh chị khi vợ chồng cự cải nhau; vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách thức quản lý và chi tiêu tài chính trong gia đình. Chị và anh T đã ly thân từ cách đây 02 tháng và không còn sống chung nhà. Anh T nhiều lần xin lỗi, xin sự

tha thứ sau khi sự việc xảy ra nhưng sau đó anh T lại tiếp tục đánh chị khi nóng giận, làm chị bị thương nhiều lần. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không muốn tiếp tục chung sống vợ chồng với anh T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên P, sinh ngày 09/12/2018, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung, không ai nợ lại anh, chị.

*Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trường T trình bày và xác định quan điểm như sau*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Kiều D xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ ngày 12/6/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/7/2018. Thời gian chung sống, anh và chị D xảy ra cự cải do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách thức quản lý và chi tiêu tài chính trong gia đình. Anh T thừa nhận khi vợ chồng cự cải, anh có đánh chị D do không kiềm chế được cảm xúc. Sự việc xảy ra là do cả anh và chị D bị áp lực về kinh tế gia đình, lo lắng cho việc thu nhập không đủ chi tiêu, áp lực công việc, bận rộn trong việc chăm sóc con nhỏ dẫn đến có lúc vợ chồng anh trong tình trạng rất căng thẳng, anh không kiềm chế được tính nóng nảy nên anh có đánh chị D. Anh có hứa sửa đổi nhưng chưa thay đổi được. Anh cố gắng làm việc và cân nhắc trong việc chi tiêu tài chính cũng vì muốn lo cho gia đình, vợ con anh cuộc sống đầy đủ, để con anh có cuộc sống vật chất tốt hơn. Anh vẫn thương yêu chị D và thương con. Anh xin được hàn gắn để vợ chồng cùng nhau chăm sóc con, để cho con có cuộc sống có cha và mẹ bên cạnh. Anh hứa sẽ kiềm chế tính nóng nảy của bản thân, không đánh chị D như trước đây.

- Về con chung: Anh và chị D có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên P, sinh ngày 09/12/2018, đang sống chung với chị D. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con cho chị D nuôi, anh yêu cầu chị D phải trực tiếp nuôi con, không giao cho người thân chị D nuôi dưỡng, anh sẽ lo cho con chung theo khả năng của anh.

- Về tài sản chung: Anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị D không có nợ chung, không ai nợ lại anh, chị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Kiều D và anh Nguyễn Trường T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị D xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh Nguyễn

Trường T cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Kiều D và anh Nguyễn Trường T khai nhận anh, chị kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị D và anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian chung sống, chị D xác định chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách thức quản lý và chi tiêu tài chính trong cuộc sống hàng ngày nên thường cải vã, xô xác nhau, anh T thường có hành vi bạo lực đối với chị, nhiều lần đánh chị bị thương. Chị và anh T đã ly thân và không còn sống chung nhà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị D cương quyết ly hôn và xác định nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị, chị cũng không tiếp tục chung sống với anh T. Anh T thừa nhận có đánh chị D nhiều lần. Nguyên nhân dẫn đến cự cải là do cả anh và vợ anh đều bị áp lực bởi lo lắng cho việc thu nhập không đủ chi tiêu; sau khi chị D sinh con, tính tình chị D nóng nảy hơn trước, anh cũng bị áp lực công việc. Đồng thời do bất đồng quan điểm trong cách thức quản lý tài chính và chi tiêu trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng thường cự cải. Anh có hứa sửa đổi nhưng chưa thực hiện được. Anh muốn duy trì hôn nhân để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con để con có cuộc sống vật chất và tinh thần đầy đủ hơn, xin Hội đồng xét xử và chị D cho anh thêm cơ hội để anh sửa đổi, anh hứa sẽ kiềm chế cảm xúc để không xảy ra tình trạng cự cải, đánh nhau như trước đây. Tại phiên tòa, mặc dù chị D được nghe lời trình bày và thành ý của anh T, Hội đồng xét xử cũng đã phân tích, động viên chị D nhưng chị D vẫn cương quyết ly hôn, không đồng ý tiếp tục chung sống với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T thực tế có xảy ra, được chị D và anh T thừa nhận. Nguyên nhân chị D xin ly hôn là do anh T có hành vi bạo lực gia đình đối với chị D khi vợ chồng cự cải, vợ chồng bất đồng với nhau trong cách thức quản lý và chị tiêu tài chính trong cuộc sống hàng ngày. Cả hai đều cho rằng quan điểm của mình là phù hợp, người còn lại nên nghe và làm theo. Xét thấy mâu thuẫn của chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của anh, chị không còn tồn tại, anh T nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị D, không thay đổi được tính tình và cách cư xử mặc dù anh đã từng nhận lỗi và hứa sửa đổi nhưng anh không làm được. Qua trình bày của chị D và anh T tại phiên tòa, thấy rằng anh chị đã không thấu hiểu và đồng cảm với nhau. Tình cảm và cuộc sống vợ chồng muốn duy trì được cần phải có sự tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, vun đắp của cả vợ và chồng chứ không phải bằng sự gượng ép, níu kéo, miễn cưỡng. Nhưng thực tế anh T và chị D không tin tưởng nhau trong quyết định về các vấn đề liên quan đến tài chính chung, chị D không thấu hiểu và ghi nhận những ưu điểm của anh T, không muốn tiếp tục chung sống với anh T, mất lòng tin vào anh T do anh T nhiều lần hứa sửa đổi tính tình và hành vi ứng xử mà không sửa đổi được, chị cương quyết ly hôn. Do đó, dù có tiếp tục duy trì hôn nhân của anh, chị về mặt pháp lý thì mục đích hôn nhân của chị D và anh T cũng không đạt được khi chỉ mình anh T muốn duy trì đời sống vợ chồng. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị D và anh T xác định anh, chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên P, sinh ngày 09/12/2018. Chị D và anh T đều có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Nguyễn Thiên P hiện nay dưới 36 tháng tuổi, cần được sự chăm sóc của người mẹ, nên cần giao cháu P cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không ai nợ lại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kiều D về việc xin ly hôn anh Nguyễn Trường T.

2 - Về con chung: Giao con chung của chị D và anh T tên Nguyễn Thiên P, sinh ngày 08/12/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Anh Nguyễn Trường T không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Các đương sự xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không ai nợ lại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Kiều D phải chịu 300.000đ. Ngày 02 tháng 10 năm 2019, chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0000856) được đối trừ chuyển thu sung công quỹ Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- UBND phường TT, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Ngọc Hân**